

Số: 2886/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát tại Tiểu khu 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La”
(trữ lượng tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2024)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản; Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ban hành quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 899/GP-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La cấp cho Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh tổng hợp Khoa,

Tiến Tâm được thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát tại Tiểu khu 19/5, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Xét Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 31/8/2024 của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh tổng hợp Khoa Tiến Tâm;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát tại Tiểu khu 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tại Phiên họp ngày 12/11/2024 và phiếu đánh giá của các Ủy viên hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 990/TTr-STNMT ngày 24/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát tại Tiểu khu 19/5, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, với những nội dung sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 4,61 ha, bao gồm 2 khu:

- Khu 1 có diện tích 2,58 ha giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2 đến 9;
- Khu 2 có diện tích 2,03 ha giới hạn bởi các điểm góc từ 10, 11 đến 17.

(Chi tiết có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát tại Tiểu khu 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đã tính trong báo cáo, tính đến ngày 10/8/2024, cấp 122 là 1.516.318 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp cấp 122 là 68.643 m³.

4. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt và trữ lượng khoáng sản cấp 122 được thống kê chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát tại Tiểu khu 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La” được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất (tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La và Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng Địa chất thuộc Cục Địa chất Việt Nam).

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời

chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh tổng hợp Khoa Tiến Tâm; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Địa chất Việt Nam;
- Như Điều 4;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, HS - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
MỎ ĐÁ VÔI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT CÁT TẠI TIỂU KHU 19/5,
THỊ TRẤN NÔNG TRƯỜNG MỘC CHÂU, HUYỆN MỘC CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số: 2886/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 104 ⁰ 00', múi chiều 3 ⁰		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
Khu 1			
1	2306434,00	571524,00	2,58
2	2306514,00	571458,00	
3	2306583,35	571472,99	
4	2306719,82	571412,52	
5	2306747,90	571474,07	
6	2306652,78	571556,44	
7	2306610,82	571576,26	
8	2306578,31	571585,26	
9	2306540,33	571549,00	
Khu 2			
10	2306495,93	571276,85	2,03
11	2306536,65	571324,13	
12	2306566,17	571349,13	
13	2306601,71	571352,88	
14	2306667,53	571299,57	
15	2306685,63	571249,25	
16	2306650,21	571192,76	
17	2306569,40	571194,47	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Phụ lục số 02

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐÁ VÔI LÀM NGUYÊN LIỆU
SẢN XUẤT CÁT TẠI TIỂU KHU 19/5, THỊ TRẤN NÔNG TRƯỜNG
MỘC CHÂU, HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số: 2886/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
Đá làm nguyên liệu sản xuất cát				
Khu 1				
1	1-122	+ 1040	1.060.390	
Khu 2				
2	2-122	+ 1040	455.928	
Tổng 122			1.516.318	
Đất san lấp				
1	1-122		32.329	
2	2-122		36.314	
Tổng 122			68.643	
Tổng 122 (đá vôi + đất san lấp)			1.584.961	